TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2019/QĐST-KDTM	*Ứng Hoà, ngày 29 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ- ƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 05/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng NNVPTNNV Nam (viết tắt là: A).

Trụ sở: Số 2, LA, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên A.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Văn T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng A chi nhánh huyện UH. (*Theo giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 và Giấy ủy quyền ngày 05/8/2019*).

*** Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Ông Trần Hữu V, sinh năm 1966.

Nơi ĐKHKTT: phố LL, thị trấn VĐ, huyện UH, TP. Hà Nội.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+/ Bà Cao Thị T, sinh năm 1972;

+/ Anh Trần Hữu V, sinh năm 1992;

+/ Chị Trần Thị Bảo C, sinh năm 2001;

Đều có nơi ĐKHKTT: phố LL, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Bà T, chị C và anh V đều có giấy ủy quyền cho ông V tham gia tố tụng tại Tòa án).

2. Sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

2.1. Bị đơn anh Trần Hữu V xác nhận ngày 27/9/2010 và ngày 22/6/2011 anh có ký kết 02 hợp đồng tín dụng vay vốn Ngân hàng A chi nhánh huyện UH (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng dùng cho khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 2207LAV201001379/HĐTD vay số tiền 1.000.000.000 đồng; mục đích vay: Mua 02 máy đào Komatshi. Tiếp theo ông V cùng với Ngân hàng ký bổ sung 06 phụ lục hợp đồng tín dụng số 2010001379/PLHĐ các ngày 17/7/2012; 22/7/2013; 07/6/2013; ngày 24/3/2015; 28/3/2016 và 24/11/2016. Theo đó, ông V đã nhận giải ngân từ ngân hàng tổng số tiền 1.000.000.000 đồng như đã nêu cùng ngày 27/9/20110 và Hợp đồng tín dụng dùng cho khách hàng là hộ gia đình, cá nhân số 2207LAV20100293/HĐTD vay số tiền 2.000.000.000 đồng; mục đích vay: Kinh doanh vật liệu xây dựng và thanh toán các chi phí khai thác đất đồi, đá. Tiếp theo ông V cùng với Ngân hàng ký bổ sung 03 phụ lục hợp đồng tín dụng số 201000293/PLHĐ các ngày 17/7/2012; 21/6/2013 và ngày 28/3/2016. Theo đó, ông V đã nhận giải ngân từ ngân hàng tổng số tiền 2.000.000.000 đồng như đã nêu theo 05 giấy nhận nợ các ngày 21/3/2012, 16/3/2012, 08/2/2012, 09/01/2012 và 13/10/2011. Ngoài ra, trong các Hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ và các phụ lục hợp đồng đều có các thỏa thuận khác như thời hạn vay, lãi suất, thay đổi lãi suất, tài sản bảo đảm…. và các thỏa thuận khác. Anh V xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng với số tiền tính đến ngày 31/7/2019 nh- sau :

+ Nợ gốc : 2.406.148.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 1.994.782.074 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 137.999.083 đồng.

Tổng: **4.538.929.157** đồng (*Bốn tỷ năm trăm ba mươi tám triệu chín trăm hai mươi chín nghìn một trăm năm mươi bảy đồng).*

2.2 Các bên thoả thuận về thời hạn, ph- ơng thức thanh toán nh- sau:

+/ Chậm nhất đến hết ngày 20/12/2019 anh V phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc 2.406.148.000 đồng và 135.000.000 đồng tiền nợ lãi trong hạn; số tiền nợ lãi trong hạn còn lại là 1.859.782.074 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 137.999.083 đồng và tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 01/8/2019 đến ngày 20/12/2019 Ngân hàng đồng ý miễn cho anh V. Tổng số tiền anh V phải nộp trả Ngân hàng là 2.541.148.000 đồng *(Hai tỷ năm trăm bốn mươi mốt triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

+/ Trường hợp anh V không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận nêu trên (về thời gian trả, số tiền trả, …) thì anh V phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 31/7/2019

nêu trên là **4.538.929.157** đồng (*Bốn tỷ năm trăm ba mươi tám triệu chín trăm hai mươi chín nghìn một trăm năm mươi bảy đồng*) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2207LAV201001379/HĐTD ngày 27/9/2010, Hợp đồng tín dụng số 2207LAV20100293/HĐTD ngày 22/6/2011 và 05 giấy nhận nợ các ngày 21/3/2012, 16/3/2012, 08/2/2012, 09/01/2012 và 13/10/2011 cùng các phụ lục hợp đồng tín dụng các ngày 17/7/2012; 22/7/2013; 07/6/2013; ngày 24/3/2015; 28/3/2016 và 24/11/2016 của Hợp đồng tín dụng số 2207LAV201001379/HĐTD và các phụ lục hợp đồng tín dụng các ngày 17/7/2012; 21/6/2013, 28/3/2016 của Hợp đồng tín dụng số 2207LAV20100293/HĐTD (*Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng)* đã ký kết kể từ ngày 01/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng.

+/ Toàn bộ số tiền khi Anh V thanh toán, Ngân hàng thu vào nợ gốc tr- ớc.

Nếu bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận thanh toán nêu trên (về thời gian và số tiền trả) thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp, cụ thể: Quyền sử dụng thửa đất số 653, tờ bản đồ số 12, diện tích là 104 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: phố LL, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội (trước đây là thôn Hoàng Xá, xã Liên Bạt, huyện UH, TP. Hà Nội), GCNQSD đất số T 408938; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 1692.QSSĐ.UH do UBND huyện UH cấp ngày 11/02/2004 cho hộ ông Trần Hữu V , theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được chứng thực tại UBND thị trấn VĐ ngày 17/6/2011, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/6/2011.

Tr- ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3 Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.705.000 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 41.411.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; được giảm 50%, số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm Bị đơn còn phải nộp 31.057.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn).*

Hoàn trả cho Ngân hàng NNVPTNNV Nam 56.269.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số 0006032 ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện UH.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục T.H.A DS huyện UH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thiện